

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI XUÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HS-ST

Ngày: 27/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Quân và ông Trần Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Quốc Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2018/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Mai Thị N, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1979 tại xã Xuân Yên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn Yên H, xã Xuân Y, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn N (đã chết) và bà Trần Thị C – sinh năm 1950; có chồng: Nguyễn Trung T và 03 con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/3/1998 bị TAND tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Cố ý gây thương tích”; bị cáo tại ngoại; “có mặt”.

- Bị hại: Trần Thị H – Sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn Thành Y, xã Xuân T, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Kinh doanh cửa hàng bán quần áo; “vắng mặt”

- Người làm chứng: Trịnh Thị L – Sinh năm 1959; Nơi cư trú: Thôn Minh H, xã Xuân T, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Làm ruộng; “vắng mặt”

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Trung T – Sinh năm 1976; Nơi cư trú: Thôn Yên H, xã Xuân Y, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 01/10/2018, Mai Thị N điều khiển xe máy nhãn hiệu Airblade sơn màu đỏ - đen, BKS: 38P1-199.44 của anh Nguyễn Trung T (chồng Nguyệt) đi từ nhà ở thôn Yên H, xã Xuân Y, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh đến chợ xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh để mua thức ăn. Sau khi mua thức ăn xong, N lấy xe máy đi đến ki ốt bán quần áo Linh Bi của chị Trần Thị H, sinh năm 1986, trú tại thôn Thành T, xã Xuân T, huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh để xem quần áo và khát nợ tiền còn nợ trước đó của chị H nhưng chị H không ở nhà. Lúc này tại ki ốt của chị H chỉ có cháu bé 03 tháng tuổi (con chị H) đang nằm ngủ trên chiếc võng và bà Trịnh Thị L (mẹ chị H) đang đi vệ sinh ở phía sau. Khi đang xem quần áo N phát hiện có chiếc túi xách bằng da màu cam để dưới sàn nhà bên cạnh chiếc võng nơi cháu bé đang nằm ngủ. Biết đó là túi xách đựng tiền bán hàng của chị H nên N dùng tay mở kéo xéc khóa túi xách lấy trộm số tiền 4.700.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) gồm các loại tiền mệnh giá khác nhau, loại mệnh giá năm trăm nghìn đồng 08 tờ, loại mệnh giá hai trăm nghìn đồng 02 tờ, loại mệnh giá một trăm nghìn đồng 03 tờ cất vào túi quần của mình. Sau khi lấy trộm được tiền, N để túi xách lại vị trí cũ rồi lấy xe máy đi về nhà ở thôn Yên H, xã Xuân Y cất dấu số tiền trộm được vào trong tủ. Sau khi sự việc bị phát hiện N đã giao nộp số tiền trên cho Ban Công an xã Xuân Thành để phục vụ công tác điều tra.

Tại biên bản giám định hồi 8 giờ 00 ngày 02/10/2018 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Nghi Xuân, kết quả toàn bộ số tiền 4.700.000 đồng (bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) là tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành có giá trị sử dụng, đảm bảo việc lưu hành.

•Vật chứng của vụ án:

- Số tiền 4.700.000 đồng (bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) đã trả lại cho chị Trần Thị H.

- Một chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ BKS:38P1-199.44, số khung: 4609DY367102, số máy: JF46E4278421, một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Trung T và một giấy phép lái xe số RS6L938 mang tên Mai Thị N, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

Bản cáo trạng số 22/CT-VKSNX ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh truy tố bị cáo Mai Thị N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên trình bày lời luận tội, đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Mai Thị N từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Tại phiên tòa bị cáo đồng ý với luận tội của Kiểm sát viên, không có tranh luận và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nhận định của Hội đồng xét xử về tội danh; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và các điều luật áp dụng đối với bị cáo:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Mai Thị N đều khai nhận tội đúng như nội dung vụ án đã được nêu tóm tắt ở phần nội dung vụ án. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; phù hợp với biên bản sự việc và phù hợp với vật chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Xét năng lực chịu trách nhiệm hình sự và hành vi lén lút, chiếm đoạt số tiền 4.700.000đ của chị H thì đã đầy đủ cơ sở để kết luận bị cáo Mai Thị N phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự, trị an và an toàn xã hội. Năm 1998 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/11/1997) về tội “Cố ý gây thương tích”; vậy nên cần phải xử phạt nghiêm đối với bị cáo. Tuy vậy, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần vì đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bố của bị cáo là ông Mai Văn N được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhì được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Mặc dù bị cáo có một nhân thân về tội “Cố ý gây thương tích” nhưng đã được xóa án từ lâu; trong vụ án này bị cáo phạm tội với thủ đoạn đơn giản, lợi dụng sơ hở của bị hại để phạm tội và phạm tội không cùng với loại tội đã bị xử phạt trước đây; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ do đó không cần bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà áp dụng điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp.

[2] Phân tích chấp nhận hay không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, bị cáo:

Xét các nội dung đề xuất đối với Hội đồng xét xử của Kiểm sát viên, bị cáo tại phiên tòa là phù hợp do đó Hội đồng xét xử chấp nhận các đề nghị này.

[3] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[4] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng đều đã trả lại cho chủ sở hữu.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản bị mất, bị hại chị Trần Thị H không yêu cầu gì thêm.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải nộp án phí; Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, khoản 1 điều 21, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố bị cáo Mai Thị N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2] Xử phạt bị cáo Mai Thị N 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Mai Thị N cho UBND xã Xuân Yên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Nếu trong thời gian thử thách bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Buộc bị cáo Mai Thị N phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Nghi Xuân;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- CQCSĐT CA huyện Nghi Xuân;
- CQTHAHS CA huyện Nghi Xuân;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Hà Ngân